

Bản án số: 76/2025/HNGĐ-ST
Ngày 04 tháng 9 năm 2025
V/v “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Hoài Lâm

Các Hội thẩm nhân dân: bà Lê Thị Thường và ông Nguyễn Thành Phước.

Thư ký phiên tòa: ông Lâm Quang Trực – Là Thư ký của Tòa án nhân dân khu vực 10 - An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – An Giang: bà Nguyễn Thị Diệu - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 – An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 213/2025/TLST-HNGĐ ngày 16/5/2025 về “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 206/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/8/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: ông Bành C, sinh năm 1968

- Bị đơn: bà Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1972

Cùng địa chỉ: ấp T, xã O, tỉnh An Giang.

Tại phiên tòa, các đương sự đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn ông Bành C trình bày:

Ông với bà Nguyễn Thị Kim T chung sống với nhau vào năm 1994, có tổ chức đám cưới nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc và có với nhau 03 con chung. Đến năm 2017 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bà T gây ra nợ nần nhiều lần dẫn đến ông không có khả năng trả nợ thay, ngoài ra vợ chồng cũng thường xuyên cãi nhau dẫn đến cuộc sống gia đình không còn hạnh phúc. Nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm, không thể hàn gắn lại được nên ông C yêu cầu giải quyết như sau:

+ Về hôn nhân: ông Bành C xin được ly hôn với bà Nguyễn Thị Kim T.

+ Về con chung: có 03 con chung tên Bành Ngọc N sinh ngày 05/4/1995 (đã chết), Bành Ngân G sinh ngày 19/6/1997 và Bành Trúc G sinh ngày 01/9/1999. Các con đã thành niên và có khả năng lao động.

+ Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa, ông Bành C vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim T trình bày:

Bà với ông Bành C chung sống với nhau từ năm 1994, có tổ chức đám cưới, không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc và có với nhau 03 con chung. Đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do về vấn đề tiền bạc cụ thể bà có cho người khác vay tiền nhưng không trả dẫn đến bị bế nợ, ngoài ra bà phát hiện ông C có quan hệ với người phụ nữ khác (bà chưa thu thập được chứng cứ cho việc này) từ đó dẫn đến việc vợ chồng thường xuyên cãi nhau, cuộc sống gia đình không còn hạnh phúc. Nay ý kiến của bà như sau:

+ Về hôn nhân: bà Nguyễn Thị Kim T đồng ý ly hôn với ông Bành C.

+ Về con chung: có 03 con chung tên Bành Ngọc N sinh ngày 05/4/1995 (đã chết), Bành Ngân G sinh ngày 19/6/1997 và Bành Trúc G sinh ngày 01/9/1999. Các con đã thành niên và có khả năng lao động.

+ Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong thời hạn chuẩn bị xét xử:

Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm hiện tại, nhận thấy Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự 2015

+ Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:

Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án.

+ Về chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 14, Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTCQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội xử:

Về hôn nhân: không công nhận quan hệ vợ chồng giữa Bành C và bà Nguyễn Thị Kim T.

Về con chung: các con đã trưởng thành, không có yêu cầu nên không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: không xem xét giải quyết.

Về án phí: nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Bánh Chính xin được ly hôn với bà Nguyễn Thị Kim T. Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim T có đăng ký thường trú tại ấp T, xã T, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang (nay là ấp T, xã O, tỉnh An Giang). Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về “Ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 10 – An Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Ông Bành C và bà Nguyễn Thị Kim T thừa nhận bắt đầu chung sống với nhau từ năm 1994, có tổ chức đám cưới nhưng đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi cưới cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, đến năm 2017 thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn tính tình không còn phù hợp thường hay cự cãi nên cuộc sống không còn hạnh phúc. Vợ chồng cũng đã cố gắng duy trì cuộc sống hôn nhân nhưng không có kết quả. Do tình cảm không còn, không quay lại sống chung với nhau được nữa nên ông C có đơn xin được ly hôn, bà T cũng đồng ý ly hôn. Theo Công văn số 16/UBND-TH ngày 17/7/2025 của Ủy ban nhân dân xã Óc Eo, tỉnh An Giang cung cấp thông tin như sau: *“Tra cứu tàng thư hộ tịch được giải quyết tại xã O từ năm 1994 đến nay kết quả không tìm thấy hồ sơ đăng ký kết hôn đối với ông Bành C và bà Nguyễn Thị Kim T”*. Tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý”*. Tại khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 cũng quy định: *“Trong trường hợp không có đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này”*. Như vậy, mặc dù ông C và bà T đã chung sống với nhau một thời gian dài nhưng về mặt pháp luật không thừa nhận quan hệ giữa ông, bà là vợ chồng nên việc ông C yêu cầu ly hôn với bà T là không phù hợp mà cần tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông C và bà T.

[2.2] Về quan hệ con chung: ông C và bà T có 03 con chung tên Bành Ngọc N sinh ngày 05/4/1995 (đã chết), Bành Ngân G sinh ngày 19/6/1997 và

Bành Trúc G sinh ngày 01/9/1999. Các con đã trưởng thành và có khả năng lao động.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

[3] Từ những phân tích trên, yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn là chưa phù hợp với quy định của pháp luật, các yêu cầu khác được chấp nhận. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ.

[4] Về án phí: ông C là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 1 điều 28, điều 35, điều 39, khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 điều 9, điều 14, khoản 2 điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Bành C và bà Nguyễn Thị Kim T.

- Về quan hệ con chung: có 03 con chung tên Bành Ngọc N sinh ngày 05/4/1995 (đã chết), Bành Ngân G sinh ngày 19/6/1997 và Bành Trúc G sinh ngày 01/9/1999. Các con đã trưởng thành và có khả năng lao động.

- Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

2. Về án phí: ông Bành C phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0021967 ngày 16/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 10 – An Giang) nên đã nộp xong.

3. Về quyền kháng cáo: ông Bành C và bà Nguyễn Thị Kim T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND khu vực 10;
- Phòng THADS khu vực 10;
- UBND xã O;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hoài Lâm